Câu hỏi ôn tập môn quản trị doanh nghiệp

Chương 1 : Giới thiệu tổng quan về doanh nghiệp

1. **Kinh doanh là gì? Hoạt động kinh doanh? Bản chất và vai trò của kinh doanh?**

a/Kinh doanh là gì ?

Là thực hiện 1 số hay tất cả các công đoạn của quá trình sản xuất, đầu tư đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lời**.**

b/ Hoạt động kinh doanh là gì ?

Là hoạt động của cá nhân hay các tổ chức nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người thông qua việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ trên thị trường để theo đuổi mục đích tìm kiếm lợi nhuận và những hoạt động đó phải phù hợp và nằm trong khuôn khổ pháp luật.

c/ Bản chất và vai trò của kinh doanh ?

Doanh nghiệp tiếp nhận các nhập lượng và hoạt động trong những điều kiện đặc thù tùy theo loại hình kinh doanh. Tuy nhiên có điểm chung là các yếu tố nhập lượng chỉ có giới hạn hay được gọi là khan hiếm đối với bất kỳ doanh nghiệp nào Doanh nghiệp sử dụng các nhập lượng theo cách thức hiệu quả nhất.
Doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu và xã hội.

2.Doanh nghiệp là gì? Nhà DN là gì? Phân loại doanh nghiệp?

a/ Doanh nghiệp là gì ?

Doanh nghiệp là đơn vị kinh tế quy tụ các phương tiện tài chính, vật chất và con người nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất, cung ứng, tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ, trên cơ sở tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng, thông qua đó tối đa hóa lợi của chủ sở hữu, đồng thời kết hợp một cách hợp lý các mục tiêu xã hội

b/ Nhà doanh nghiệp là gì ?

c/ Phân loại doanh nghiệp ?

- Căn cứ vào tính chất sở hữu tài sản trong doanh nghiệp:
  - *Doanh nghiệp nhà nước:*

    Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội do nhà nước giao.

  - *Doanh nghiệp tư nhân:*

    Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp mà trong đó, tài sản của nó là thuộc sở hữu một cá nhân duy nhất.

  - *Doanh nghiệp chung vốn hay Công ty:*

Đây là loại hình doanh nghiệp mà các thành viên sẽ cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào công ty. Có 02 hình thức công ty chính là công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần. Ngoài ra còn có một hình thức công ty khác là công ty dự phần. Công ty loại này không có tài sản riêng, không có trụ sở riêng và thông thường hoạt động của nó dựa và tư cách pháp nhân của một một trong các thành viên.

- *Hợp tác xã:*

Hợp tác xã là 01 tổ chức kinh tế tự chủ do người lao động có nhu cầu và lợi ích chung tự nguyện cùng góp vốn đầu tư, góp sức lập ra theo qui định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên, nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp nông nghiệp:
- Doanh nghiệp công nghiệp:
- Doanh nghiệp thương mại:
- Doanh nghiệp dịch vụ :

- Căn cứ vào qui mô của doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp có qui mô lớn
- Doanh nghiệp có qui mô nhỏ
- Doanh nghiệp có qui mô vừa

3.Các yếu tố tạo lập và vận hành doanh nghiệp, giải thích trong đó yếu tố nào quyết định ?

- Yếu tố tổ chức
- Yếu tố sản xuất
- Yếu tố trao đổi
- Yếu tố phân phối

Trong đó yếu tố tổ chức là quan trọng nhất và quyết định , nó chi phối tất cả các yếu tố khác nhằm thực hiện chức năng quản lý và đạt được mục tiêu.

4.Doanh nghiệp là đơn vị sản xuất thì điều gì cần phải được chú trọng để xem xét? Ý nghĩa?

-Các doanh nghiệp dù hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau điều có điểm giống nhau:

- Có phương tiện sản xuất, nguồn nhân lực, tài chính, kỹ thuật, bí quyết.
- Mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, thiết bị máy móc của người cung ứng.
- Sản xuất ra của cải hoặc dịch vụ để bán cho khách hàng hoặc cung cấp cho xã hội.
- Doanh nghiệp phải biết kết hợp các yếu tố của quá trình sản xuất để sản xuất ra sản phẩm hoặc dịch vụ (yếu tố đầu vào) sao cho chi phí thấp nhất để tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

- Ý nghĩa :

- Bản thân DN : giúp DN tồn tại và có nhiều lợi nhuận.
- Địa phương: nâng cao mức sống ở địa phương đó đồng thời cũng đóng góp cho xã hội.
- Đất nước :mang lại sự phồn vinh, giàu mạnh, hạnh phúc góp phần ổn định cho xã hội.

5. Nêu ý nghĩa DN – đơn vị phân phối?Ý nghĩa?

-Phân phối là 1 khâu của quá trình sản xuất nhằm giúp cho DN hoạt động tuần hoàn. Tiền thu được do bán sản phẩm, dịch vụ thì DN phải:

- Mua nguyên vật liệu, thiết bị, dịch vụ (nhà cung cấp)
- Trả lương (người lao động)
- Trả nợ vay (chủ nợ)
- Lợi nhuận (DN)
- Cổ tức (cổ đông)

DN cần phải cân đối các khoản thu, chi để hoạt động sản xuất của DN không ngừng phát triển.

- Ý nghĩa :

Từ việc sử dụng các yếu tố đầu vào =>sản xuất hàng hóa, dịch vụ sau khi xác định giá bán =>trừ đi các chi phí trung gian =>giá trị gia tăng của 1 DN . Một DN càng tạo ra nhiều giá trị gia tăng =>DN càng phát triển =>sự giàu mạnh cho quốc gia.

6.Dựa vào những điểm đã nêu, để doanh nghiệp tồn tại và phát triển trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế, DN cần phải làm gì?

- Phải linh hoạt trong chiến lược kinh doanh
- Đi sâu khai thác phát triển ngành nghề kinh doanh chính
- Đa dạng hóa hình thức huy động vốn
-Duy trì nguồn lao động có tay nghề..
- Nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật
- Xây dựng bầu văn hóa DN
- Phải biết khai thác sức mạnh truyền thống của doanh nghiệp minh.

7.Nêu các cách thành lập DN?Hiểu thế nào là nguồn lực của DN? Trong DN có những nguồn lực nào? Nguồn lực nào quan trọng nhất vì sao?

- Các cách thành lập DN :

- Thành lập DN mới
- Doanh nghiệp được mua lại
- Đại lý đặc quyền- nhượng quyền kinh doanh (franchising).

- Định nghĩa nguồn lực cuả DN:

Là tất cả những gì thuộc sở hữu của DN hoặc DN đang có quyền kiểm soát về nó.

- Trong DN có các nguồn lực:

✓ Nhân lực
✓ Tài lực
✓ Vật lực
✓ Thông tin

Trong đó nguồn nhân lực là quan trọng nhất vì:
Nguồn nhân lực là nguồn tài nguyên sống duy nhất(con người) có thể sử dụng và kiểm soát các nguồn lực khác , có thế khai thác tốt nhất khả năng, năng suất và hiệu quả của chúng. Vì vậy, nếu khả năng và năng lực của người lao động được nâng cao hay phát triển thì doanh nghiệp cũng ngày càng phát triển hơn, tiềm năng hơn, lớn mạnh hơn và ngược lại.

8. Thế nào là ý tưởng kinh doanh tốt ?

Một ý tưởng kinh doanh tốt phải đáp ứng 2 khía cạnh :mở ra cơ hội kinh doanh và phải có kỹ năng,các nguồn lực để tận dụng cơ hội.

- Phải xác định các cơ hội ngay nơi mà bạn thực hiện ý tưởng kinh doanh
- Phải có kỹ năng để nắm bắt được cơ hội
- thu thập thông tin :

+ sản phẩm, dịch vụ cần cung cấp
+quan điểm của khách hàng

- lập kế hoạch kinh doanh

9. Một doanh nghiệp mới thành lập để phát triển cần phải làm những gì?

- Tạo ra sự khác biệt trong sản phẩm : mẫu mã, kiểu dáng, chất lượng…
- Xây dựng nguồn nhân lực thật tốt và đoàn kết
- Duy trì mối quan hệ với các nguồn cung cấp tài chính, nguyên vật liệu cho DN
- Tăng nguồn đầu từ cho thông tin
- Xây dựng hệ thống kế toán- tài chính tốt
- Xây dựng chiến lược marketing phù hợp và tiết kiệm
- Chủ động xây dựng mô hình quản trị và điều hành doanh nghiệp mạnh, có hiệu quả.

Chương 2 : Các hình thức tổ chức doanh nghiệp

CÂU 1: HÃY NÊU CÁC LOẠI HÌNH PHÁP LÝ Ở VIỆT NAM?

-Theo loại hình pháp lý :

- ✓ Hộ kinh doanh
- ✓ Doanh nghiep tư nhân
- ✓ Công ty:trách nhiệm hữu hạn,cổ phần,hợp danh.
- ✓ Doanh nghiệp nhà nước
- ✓ Hợp tác xã

-Theo quy mô:lớn,vừa và nhỏ

-Sở hữu xâm nhập:doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài

Câu 2 : Thuận lợi và bất lợi của mỗi loại hình doanh nghiệp theo luật?

1. Công ty cổ phần :

Ưu điểm:

- Chế độ trách nhiệm của công ty cổ phần là trách nhiệm hữu hạn, các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn góp nên mức độ rủi do của các cổ đông không cao;

- Khả năng hoạt động của công ty cổ phần rất rộng, trong hầu hết các lịch vực, ngành nghề;

- Cơ cấu vốn của công ty cổ phần hết sức linh hoạt tạo điều kiện nhiều người cùng góp vốn vào công ty;

- Khả năng huy động vốn của công ty cổ phần rất cao thông qua việc phát hành cổ phiếu ra công chúng, đây là đặc điểm riêng có của công ty cổ phần;

- Việc chuyển nhượng vốn trong công ty cổ phần là tương đối dễ dàng, do vậy phạm vi đối tượng được tham gia công ty cổ phần là rất rộng, ngay cả các cán bộ công chức cũng có quyền mua cổ phiếu của công ty cổ phần.

Nhược điểm:

Bên cạnh những lợi thế nêu trên, loại hình công ty cổ phần cũng có những hạn chế nhất định như.

- Việc quản lý và điều hành công ty cổ phần rất phức tạp do số lượng các cổ đông có thể rất lớn, có nhiều người không hề quen biết nhau và thậm chí có thể có sự phân hóa thành các nhóm cổ động đối kháng nhau về lợi ích;

- Việc thành lập và quản lý công ty cổ phần cũng phức tạp hơn các loại hình công ty khác do bị ràng buộc chặt chẽ bởi các quy định của pháp luật, đặc biệt về chế độ tài chính, kế toán.

2. công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên :

Ưu điểm

- Do có tư cách pháp nhân nên các thành viên công ty chỉ trách nhiệm về các hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn góp vào công ty nên ít gây rủi ro cho người góp vốn;

- Số lượng thành viên công ty trách nhiệm không nhiều và các thành viên thường là người quen biết, tin cậy nhau, nên việc quản lý, điều hành công ty không quá phức tạp;

- Chế độ chuyển nhượng vốn được điều chỉnh chặt chẽ nên nhà đầu tư dễ dàng kiểm soát được việc thay đổi các thành viên, hạn chế sự thâm nhập của người lạ vào công ty.

Nhược điểm:

- Do chế độ trách nhiệm hữu hạn nên uy tín của công ty trước đối tác, bạn hàng cũng phần nào bị ảnh hưởng;

- Công ty trách nhiệm hữu hạn chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật hơn là doanh nghiệp tư nhân hay công ty hợp danh;

- Việc huy động vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn bị hạn chế do không có quyền phát hành cổ phiếu.

3. công ty hợp doanh :

Ưu điểm:

Ưu điểm của công ty hợp danh là kết hợp được uy tín cá nhân của nhiều người. Do chế độ liên đới chịu trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh mà công ty hợp danh dễ dàng tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Việc điều hành quản lý công ty không quá phức tạp do số lượng các thành viên ít và là những người có uy tín, tuyệt đối tin tưởng nhau.

Nhược điểm:

Hạn chế của công ty hợp danh là do chế độ liên đới chịu trách nhiệm vô hạn nên mức độ rủi ro của các thành viên hợp danh là rất cao.Loại hình công ty hợp danh được quy định trong Luật doanh nghiệp năm 1999 và 2005 nhưng trên thực tế loại hình doanh nghiệp này chưa phổ biến.

4.doanh nghiệp tư nhân :

Ưu điểm:

Do là chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp nên doanh nghiệp tư nhân hoàn toàn chủ động trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Chế độ trách nhiệm vô hạn của chủ doanh nghiệp tư nhân tạo sự tin tưởng cho đối tác, khách hàng và giúp cho doanh nghiệp ít chịu sự ràng buộc chặt chẽ bởi pháp luật như các loại hình doanh nghiệp khác.

Nhược điểm:

Do không có tư cách pháp nhân nên mức độ rủi ro của chủ doanh tư nhân cao, chủ doanh nghiệp tư nhân phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và của chủ doanh nghiệp chứ không giới hạn số vốn mà chủ doanh nghiệp đã đầu tư vào doanh nghiệp.

5. hợp tác xã:

Ưu điểm

- Có thể thu hút được đông đảo người lao động tham gia;

- Việc quản lý hợp tác xã thực hiện trên nguyên tắc dân chủ và bình đẳng nên mọi xã viên đều bình đẳng trong việc tham gia quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của hợp tác xã không phân biệt nhiều vốn hay ít vốn;

- Các xã viên tham gia hợp tác xã chỉ chịu trách nhiệm trước các hoạt động của hợp tác xã trong phạm vi vốn góp vào hợp tác xã.

Nhược điểm:

Hoạt động kinh doanh theo hình thức hợp tác xã cũng có những hạn chế nhất định như.

- Không khuyến khích được người nhiều vốn;

- Nhiều kinh nghiệm quản lý, kinh doanh tham gia hợp tác xã do nguyên tắc chia lợi nhuận kết hợp lợi ích của xã viên với sự phát triển của hợp tác xã;

- Việc quản lý hợp tác xã phức tạp do số lượng xã viên đông;

- Sở hữu mong muốn của các xã viên đối tài sản của mình làm hạn chế các quyết định của Hợp tác xã.

6. công ty trach nhiêm hữu hạn 2 thành viên :

Ưu điểm:

Do có tư cách pháp nhân nên các thành viên công ty chỉ trách nhiệm về các hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn góp vào công ty nên ít gây rủi ro cho người góp vốn.

Số lượng thành viên công ty trách nhiệm không nhiều và các thành viên thường là người quen biết, tin cậy nhau, nên việc quản lý, điều hành công ty không quá phức tạp.

Chế độ chuyển nhượng vốn được điều chỉnh chặt chẽ nên nhà đầu tư dễ dàng kiểm soát được việc thay đổi các thành viên, hạn chế sự thâm nhập của người lạ vào công ty.

Nhược điểm:

Việc huy động vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn bị hạn chế do không có quyền phát hành cổ phiếu.

Câu 3 : Phân biệt quyền sở hữu công ty của người góp vốn và quyền sở hữu tài sản công ty của công ty thông qua nhà quản trị công ty?

Câu 4 : Tại sao nói công ty trách nhiệm hữu hạn khó kiểm soát?

Câu 5:Kinh doanh hộ khác gì với doanh nghiệp tư nhân?

Các yếu tố	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân
Nơi đăng ký	Phòng tài chính quận, huyện	Sở kế hoạch đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
Con dấu	Không có con dấu	Có
Người quản lý	Chủ hộ hoặc thành viên có uy tính trong hộ	Chủ sở hữu cũng là người quản lý
Lao động	Có thể thuê mướn lao động nhưng lao động chủ hộ vẫn là chủ yếu	Thuê mướn là chủ yếu
Vị trí	Cố định trong nơi cư trú	Không cố định, có thể thay đổi.

Câu 6 :Tại sao DNTN lại tiết kiệm được thuế ?

-Do 1 chủ nên tính bí mật đươc giữ kín.

- Đứng ở góc độ các nhân :thuế thu nhập cá nhân.

-Đứng ở góc độ DN :thuế thu nhập DN

CÂU 7:DỰA TRÊN NHỮNG YẾU TỐ NÀO ĐỂ LỰA CHỌN LOẠI HÌNH PHÁP LÝ CHO MỘT DOANH NGHIỆP?

- Những rủi ro và sự chấp nhận của người chủ để chịu trách nhiệm pháp lý với những món nợ của doanh nghiệp.
- Mức độ quản lý và kiểm soát trực tiếp mà các chủ doanh nghiệp mong muốn.
- Sự phân chia lợi nhuận giữa các chủ sở hữu.
- Loại hình kinh doanh:sản xuất,thương mại hay dịch vụ.
- Phạm vi hoạt động:tầm mức kinh doanh và dung lượng của khu vực thị trường cần đáp ứng.
- Khối lượng vốn cần thiết cho việc thành lập ban đầu và mở rộng doanh nghiệp.
- Thời gian tồn tại của doanh nghiệp.
- Những giới hạn pháp lý do các quy định của chính phủ.

CÂU 8:HÃY NÊU KHÁI NIỆM,ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP LIÊN DOANH VỚI NƯỚC NGOÀI ?THÀNH LẬP VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP LIÊN DOANH VỚI NƯỚC NGOÀI CÓ NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN GÌ?

**Khái niệm:*

Doanh nghiệp liên doanh là tổ chức kinh tế giữa các bên tham gia mang quốc tịch khác nhau cùng sở hữu chung về vốn góp,cùng tham gia quản lý,cùng phân phối lợi nhuận,cùng chia sẽ rủi ro trên cơ sở hợp đồng đã đươc ký giữa các bên tham gia.

**Đặc điểm (đặc trưng):*

Về kinh tế :

- ✓ Sở hữu vốn và tài sản của DNLD là sở hữu hỗn hợp
- ✓ Cùng tham gia quản lý
- ✓ Cùng phân phối lợi nhuận
- ✓ Cùng chia sẽ rủi ro.

-về mặt pháp lý :

- ✓ DNLD là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân và là pháp nhân Việt Nam
- ✓ Thời gian hoạt động của liên doanh có thể được giới hạn trong 1 khoảng thời gian theo thỏa thuận và chấm dứt hoạt động khi hết hạn theo giấy phép đầu tư.

thuận lợi:

- Phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn
- Có điều kiện tiếp cận công nghệ hiện đại,phong cách và trình độ quản lý kinh tế tiên tiến.
- *Đảm bảo khả năng thành công do môi trường KD*

*khó khăn:

- do quốc tịch khác nhau nêndẫn đến sự khác biệt
- Ngôn ngữ,truyền thống,văn hóa ,luật pháp
- Trình độ công nghệ
- ➢ Dễ dẫn đến xung đột.mâu thuẫn và dễ dẫn đến chia tay sơm.

Vai trò:

- ✓ Là hình thức có hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- ✓ Là biện pháp quan trọng đẩy nhanh quá trình đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong các lĩnh vực đời sống xã hội
- ✓ Góp phần rèn luyện kỹ năng,nâng cao trình độ chuyên môn và học tập tác phong công nghiệp cho đội ngũ lao động.
- ✓ Góp phần thiết thực vào việc khai thác các nguồn lực,phát huy lợi thế của đất nước.

Câu 9: So sánh thuận lợi và bất lợi của hình thức liên doanh với DNNN với hình thức sở hữu toàn bộ của nước ngoài (DN 100% vốn nước ngoài) trong thâm nhập thị trường quốc tế?

Câu 10:Tại sao DNTN không có tư cách pháp nhân?

Do một cá nhân làm chủ nên doanh nghiệp tư nhân không đáp ứng được các quy định:

a. Được thành lập hợp pháp;

b. Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;

c. Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;

d. Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Vì vậy mà doanh nghiệp tư nhân không được coi là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân; người đứng đầu doanh nghiệp tư nhân phải chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình về hoạt động của doanh nghiệp(DNTN không có độc lập về tài sản nên không có tư các pháp nhân)

Câu 8:Tại sao các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài thường tăng vốn và chi phí quảng cáo trong trường hợp lỗ mà các doanh nghiệp trong nước không làm được ?

- DN việt nam đa số có qui mô nhỏ,đa số vốn góp vốn vào liên doanh là quyền sử dụng đất còn doanh nghiệp liên doanh nước ngoài còn có 1 hệ thống công ty mẹ rất lớn để thực hiện việc tăng vốn và phát triển thị trường.
- Vì khi quảng cáo là mang đến người tiêu dùng cả hình ảnh công ty mẹ nhưng chi phí thì do công ty liên doanh chịu trong khi đó thì công ty liên doanh ở VN thì thường thiếu vốn.

CÂU 9: HÃY NÊU KHÁI NIỆM HTX? NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HTX? ĐẶC ĐIỂM CỦA HTX? PHÂN BIỆT CỔ PHẦN CỦA XÃ VIÊN HTX VÀ CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN?

**KHÁI NIỆM:*

HTX là một tổ chức kinh tế tập thể được thành lập theo quy định pháp luật bởi các cá nhân,hộ gia đình và các pháp nhân khác (được gọi là thành viên HTX),họ cùng

chia sẽ nhu cầu nhu cầu và quyền lợi chung,và tữ nguyện đóng góp vốn và lao động để tăng cường sức mạnh tập thể và từng thành viên của HTX nhằm hỗ trợ nhau cùng sản xuất ,kinh doanh hiệu quả và cải thiện cuộc sống ,vật chất, tinh thần,đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế và xã hội của quốc gia.

** Đặc điểm :*

- Các xã viên liên kết với nhau vì ít nhất một lợi ích chung.
- Các xã viên cố gắng theo đuổi mục tiêu cải thiện điều kiện kinh tế xã hội của mình bằng cách phối hợp với nhau
- Các xã viên cùng sở hữu và vận hành một đơn vị cung cấp cho họ hàng hoá và/hoặc dịch vụ

**NGUYÊN TẮC VÀ HOẠT ĐỘNG*:

Tự nguyện tham gia và rút khỏi HTX.

Dân chủ và bình đẳng trong công tác quản lý.

Tự chủ,tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi.

Hợp tác và phát triển cộng đồng.

**PHÂN BIỆT :*

Cổ phần công ty cổ phần: ai nắm giữ vốn nhiều thì có quyền.

Cổ phần của xã viên HTX:bình đẳng trong công tác quản lý ,mỗi thành viên là 1 lá phiếu.

Câu 10:Làm thế nào cho ra đời HTX? Làm thế nào để HTX mới ra đời phát triển tốt?

- Xác định được nhu cầu của từng địa phương đeể cho ra đời HTX.
- Căn cứ vào những gì mà các thành viên làm được nhưng ko dạt hiệu quả cao .

Sự cần thiết để ra đời 1 HTX :

- Tồn tại nhiều khó khăn và hạn chế mà từng hộ gia đình,hộ nông dân không thể giải quyết đơn lẻ.

- Không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải tự giúp đỡ nhau bởi rất khó được những người khác như gia đình, các tổ chức xã hội hay nhà nước hỗ trợ
- Các ưu thế xã viên có được (như được tiếp cận đến hàng hoá, vật tư đầu vào, vốn vay, dịch vụ và thị trường) vượt trội so với nghĩa vụ của các xã viên
- (VD: Đóng góp các nguồn lực như tiền, thời gian, đất đai, thiết bị ...)
- Có ít nhất một người trong nhóm có khả năng lãnh đạo và đưa ra sáng kiến để đại diện cho nhóm. Người đó phải là người đáng tin cậy và có uy tín trong cộng đồng.
- Không có các quy định về chính trị hoặc pháp lý cản trở nhóm tự lựa chọn và bầu ra những người lãnh đạo của mình, bán sản phẩm hàng hoá, thu lợi nhuận và tự quyết định cách phân phối tiền lãi
- HTX phải đem lại lợi ích (kinh tế và xã hội) một cách rõ ràng và thiết thực cho các xã viên và lợi ích đó phải lớn hơn những chi phí khi tham gia vào HTX.
- HTX phải có những nhà quản lý năng động, có kinh nghiệm và nhiệt tình có khả năng hoạch định và thực hiện các chính sách kinh doanh
- Họ phải có khả năng cung ứng được các dịch vụ và hàng hoá mà các xã viên yêu cầu,
- Cơ cấu tổ chức và quản lý của HTX phải được xây dựng phù hợp với năng lực của các xã viên.
- Các xã viên tham gia HTX với cả hai tư cách: người sử dụng dịch vụ (khách hàng) và chủ sở hữu.

Câu 11:a/HTX khác gì với công ty?

- HTX :vừa là tổ chức kinh tế,vừa là tổ chức xã hội hợp tác giúp đở nhau cùng tồn tại, mang tính chất cộng đồng.
- Công ty :chỉ là tổ chức kinh tế không mang tính cộng đồng.

b/ Quyền của hợp tác xã?

- Lựa chọn chi nhánh, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong các lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật cho phép

- Quyết định hình thức và cấu trúc tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ củ HTX

- Xuất - nhập khẩu trực tiếp hoặc thông qua liên doanh và hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế để mở rộng sản xuất và kinh doanh theo quy định của pháp luật;

-Thuê nhân công nếu thành viên của HTX không thể đáp ứng yêu sản xuất, kinh doanh của HTX theo quy định pháp luật;

- Quyết định về việc gia nhập của hội viên mới, giải quyết thủ tục rút khỏi HTX của thành viên, trục xuất thành viên ra khỏi HTX theo quy định trong Điều lệ HTX.

Câu 12:Hiểu như thế nào về DN nhỏ ?Quản trị DN nhỏ khác gì với DN lớn?

Khái niệm:

Doanh nghiệp nhỏ là một doanh nghiệp hoạt động độc lập trong một lĩnh vực kinh doanh nhưng không thống trị trong lĩnh vực kinh doanh của mình nhằm thực hiện mục tiêu kinh tế xã hội theo qui định của nhà nước.

Có tư cách hợp pháp, có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự

Chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động kinh doanh.

Quản trị Dn nhỏ có khác với DN lớn:

Dn nhỏ có rất nhiều người bán, rất nhiều người mua, người quả lý phải lo toàn bộ (A=>Z)

Sự chịu trách nhiệm củ người chủ

DN nhỏ có những khó khăn nhất định cần thiết phải có sự hỗ trợ của nhà nước

DN nhỏ không thấy được thị trường của nó.

Câu 13 : Các giai đoạn sống của DN ?Trong từng giai đoạn lựa chọn và quản trị chiến lược có gì khác nhau ?

Các giai đoạn sống:

- ✓ Thành lập
- ✓ Phát triển
- ✓ Trưởng thành
- ✓ Suy thoái

Câu 14 :Vai trò, thuận lợi, khó khăn của DN nhỏ ?

Vai trò:

- Là nguồn động lực và sức mạnh kinh tế cho sự phát triển trong tương lai.
- Là cội nguồn xuất phát của sự đổi mới và phát triển các mối quan hệ trong kinh doanh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp lớn
- Là yếu tố thuận lợi cho DN chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu quản lý 1 cách nhanh nhạy -> có ý nghĩa trong nền kinh tế thị trường.

Thuận lợi:

- Quy mô nhỏ có tính năng động, linh hoạt, tự do sang tạo trong KD
- Gắn liền với công nghệ trung gian, là cấu nối giữa công nghệ truyền thống và công nghệ hiện đại.
- Chỉ cần lượng vốn đầu tư ban đầu ít, hiệu quả cao, thu hồi vốn nhanh.
- Hệ thống tổ chức quản lý nhẹ gọn, linh hoạt, nhanh chóng.
- Quan hệ giữa người lao động và quản lý DN chặt chẽ.
- Ít chịu ảnh hưởng bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế thị trường**.**

Khó khăn:

- Thiếu khả năng tạo vốn, thường chịu chi phí vốn cao.
- Hạn chế sử dụng vốn->qui mô nhỏ->không dạt tính hiệu quả của qui mô.
- Cơ sở, vật chất, kỹ thuật, trình độ thiết bị công nghệ yếu kém, lạc hậu.
- Khả năng tiếp cận thông tin, tiếp thị của doanh nghiệp nhỏ bị hạn chế
- Trình độ, năng lực quản lý còn hạn chế.
- Năng suất lao động, sức cạnh tranh kinh tế thấp.

Câu 15 :Tại sao cần phải có chính sách hỗ trợ DN nhỏ? Cụ thể là những chính sách nào ?

Tại vì :

- DN nhỏ có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế đất nước.
- Tạo việc làm và tăng kim ngạch xuất khẩu
- Góp phần tạo ra sự phân công lao động mới trong nền kinh tế.
  =>Hoạt động còn nhiều khó khăn, cần sự hỗ trợ của nhà nước

Cụ thể các chính sách:

- Trợ giúp về tài chính
- Mặt bằng sản xuất

- Đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ
- Xúc tiến mở rộng thị trường
- Mua sắm, cung ứng dịch vụ công
- Phát triển nguồn nhân lực
- Tư vấn- thông tin và vườn ươm doanh nghiệp**.**

CHƯƠNG 3 DOANH NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp là gì?

Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp là những yếu tố, những lực lượng, những thể chế, lực lượng,…nằm bên ngoài doanh nghiệp mà nhà quản trị không kiểm soát được nó nhưng nó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Mục đích phân tích môi trường kinh doanh?

- Tìm ra các yếu tố môi trường nào có nhiều khả năng ảnh hưởng đến các việc ra quyết định của doanh nghiệp.
- Tìm cơ hội, đe dọa và nhận dạng điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp

3. Nêu sự giống nhau và khác nhau giữa môi trường vi mô và môi trường tác nghiệp

- Giống nhau: Tác động cùng một nghành, một lĩnh vực.
- Khác nhau:
  - Môi trường vĩ mô bao gồm : tác động lên tất cả các nghiệp vụ.
  - Môi trường tác nghiệp: là những nghiệp vụ cụ thể mà doanh nghiệp của mình và đối thủ cạnh tranh hiện có điều phải thực hiện và nó không đồng thời đồng nhất với nhau để nhận diện đâu là cơ hội và đe dọa.

4. Hãy nêu các yếu tố trong các môi trường. chon một vài yếu tố nêu nội dung cụ thể(chỉ tiêu), pp(cách tiến hành) của các yếu tố?

5. Hệ thống là gi?Tại sao nói doanh nghiệp là hệ thống mở?

Hệ thống là tập hợp bao gồm nhiều phần tử. Các phần tử xắp xếp theo 1 trình tự nhất định, giữa chúng có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, chuyển động theo một định hướng.

Doanh nghiệp là một hệ thống mở vì doanh nghiệp là một tế bào của nền kinh tế, là 1 hoạt động kinh tế thương mại, và không có DN nào tự làm từ khâu đầu vào (sản xuất, vốn) đến khâu đầu ra (sp,dịch vụ cung ứng ra thị trường)

6. Hiểu văn hóa doanh nghiệp là gì? Yếu tố cụ thể của văn hóa dẫn đến các cách làm khác nhau, thái độ hành vi khác nhau?

Văn hoá doanh nghiệp là toàn bộ các giá trị văn hoá được gây dựng nên trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp, trở thành các giá trị, các quan niệm và tập quán, truyền thống ăn sâu vào hoạt động của doanh nghiệp ấy và chi phối tình cảm, nếp suy nghĩ và hành vi của mọi thành viên của doanh nghiệp trong việc theo đuổi và thực hiện các mục đích.

Yếu tố tiêu chuẩn ảnh hưởng đến cách làm khác nhau và thái độ khác nhau:

Tiêu chuẩn là quy định xã hội chi phối hành động người với người. Tiêu chuẩn có thể phân nhỏ thành 2 phạm trù chủ yếu :bản sắc dân tộc và tập tục.

Bản sắc dân tộc :là hành động có ý nghĩa luân lý.

Tập tục : là tiêu chuẩn quan trọng để vận hành xã hội và đời sống xã hội-> có ý nghĩa lớn hơn bản sắc dân tộc.

7. Tại sao nói xây dựng bầu văn hóa doanh nghiệp là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh?

Văn hoá DN chính là một trong những yếu tố cơ bản để xây dựng, phát triển, quảng bá và bảo vệ thương hiệu. Chính văn hoá mới là "cửa mở" cho mỗi DN hội nhập trong nước và quốc tế. Khi công nghệ đã toàn cầu hóa, mặt bằng giá cả đã được xác lập, thì chính văn hoá sẽ là yếu tố quyết định chiến thắng trong cạnh tranh.

8. Nêu nội dung phân tích nội bộ doanh nghiệp? Chọn một trong số nội dung phân tích nội bộ, nêu cách tiến hành?

- Theo các nguồn lực: Nhân lực, Tài lực, Vật lực, Thông tin.
- Theo các chức năng trong doanh nghiệp: Nghiên cứu phát triển, Cung ứng, Tài chính- kế toán, Sản xuất, Văn hóa- tổ chức, Marketing.

Theo năng lực quản trị:

- Tổ chức
- Lãnh đạo
- Kiểm tra, kiểm soát.

9. Mục đích phân tích nội bộ doanh nghiệp?

Phân tích nội bộ doanh nghiệp để nhân diện điểm mạnh điểm yếu của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó đưa ra các biện pháp nhằm giảm bớt nhược điểm và phát huy ưu điểm

10. Cho biết chỉ tiêu nào đánh giá chất lượng nguồn lao động?

Chất lượng lao động được đánh giá thông qua các chỉ tiêu định lượng. Hệ thống chỉ tiêu này có thể bao gồm các nhóm sau:
- Các chỉ tiêu đánh giá về thể lực của lao động (phản ánh tình trạng sức khoẻ, khả năng lao động);
- Các chỉ tiêu đánh giá về trí tuệ của lao động (trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật);
- Các chỉ tiêu đánh giá về nhân cách (đạo đức, lối sống, tác phong trong lao động…);
- Các chỉ tiêu đánh giá về tính năng động xã hội của lao động (khả năng sẵn sàng làm việc, tình trạng việc làm, khả năng cạnh tranh, khả năng thích ứng trong công việc…)

11. Môi trường tác nghiệp. Xác định từng yếu tố phân tích qua các chỉ tiêu nào, khi phân tích qua các chỉ tiêu này, về mặt pp lấy chỉ tiêu ở đâu, tìm cơ hội, đe dọa?
Phân tích các yếu tố của môi trường tác nghiệp:
Các chỉ tiêu ảnh hưởng đến các đối thủ cạnh tranh:
Số lượng doanh nghiệp tham gia cạnh tranh trong ngành
Mức độ tăng trưởng của ngành
Mức độ đa dạng hoa của sản phẩm
Các chỉ tiêu ảnh hưởng đến khách hàng:
- Thu nhập
- Địa dư
- Nhân khẩu học
- Tâm lý khách hàng

Các chỉ tiêu ảnh hưởng đến người cung ứng:
Tạo mối quan hệ tốt với nhà cung ứng
Các chỉ tiêu ảnh hưởng đến các đối thủ tìm ẩm:
Rào cảng gia nhập ngành (vốn,công nghệ, chính phủ)
Các chỉ tiêu ảnh hưởng đến hàng thay thế :
- Xu hướng người tiêu dùng
- Chi phí chuyển đổi trong sử dụng sản phẩm.
- Tương quan giữa giá cả và chất lượng của các mặt hàng thay thế.

12. Phân tích đối thủ cạnh tranh để tìm cơ hội, đe dọa nội dung có gì khác mạnh-yếu so sánh với doanh nghiệp mình?
Nội dung của mục đích tìm cơ hội,đe dọa

- Số lượng doanh nghiệp hiện có trong nghành
- Mức tăng trưởng của ngành
- Cơ cấu chi phí

Nội dung của mục đích tìm điểm mạnh, điểm yếu

- Thị phần
- các hoạt động cức năng: kế toán ,marketting,…
- theo các nguồn lực của doanh nghiệp
- Quản trị DN, văn hóa DN

13. Khi nào người mua có ưu thế? Chiến lược hợp nhất về phía sau là gì?

❖ Người mua có ưu thế khi:

- Mua lượng lớn
- Thuận tiện và ít tốt kém khi chuyển sang mua của người khác
- Có nhiều sản phẩm thay thế
- Có nhiều doanh nghiệp cung ứng trong ngành
- Người mua sẽ theo đuổi chiến lược hợp nhất về phía sau.
- Sản phẩm người bán không ảnh hưởng nhiều đến lượng sản phẩm của người mua

❖ Chiến lược hợp nhất về phía sau là 1 DN tăng cường kiểm soát hoặc có phần sở hữu đối với những nhà cung cấp yếu tố đầu vào.

- Phía trước: là tăng cường kiểm tra dối với các yếu tố đầu ra.
- Theo chiều ngang: DN có quy mô to và lớn hơn DN khác

14. Hiếu gì về công cụ ma trận SWOT?các bước xây dựng ma trận SWOT?

Định nghĩa:

Ma trận SWOT là công cụ kết hợp quan trọng cho các nhà quản trị phát triển 4 chiếc lược :SO, WO, ST, WT để đề ra các chiến lược khả thi có thể lựa chọn.

Các bước xây dựng ma trận SWOT :

Bước 1:

- Liệt kê các điểm mạnh chủ yếu bên trong tổ chức
- Liệt kê các điểm yếu bên trong tổ chức
- Liệt kê các cơ hội lớn bên ngoài tổ chức
- Liệt kê các đe dọa quan trọng bên ngoài tổ chức.

Bước 2:

- Kết hợp điểm mạnh ben trong với cơ hội bên ngoài và ghi kết quả của chiến lược SO vào ô thích hợp
- Kết hợp điểm yếu bên trong với cơ hội bên ngoài và ghi kết quả của chiên lược WO vào ô thích hợp
- Kết hợp điểm mạnh bên trong với mối đe dọa bên ngoài và ghi kết quả của chiến lược ST vào ô thích hợp
- Kêt hợp điểm yếu bên trong với nguy cơ bên ngoài và ghi kết quả của chiến lược WT vào ô thích hợp**.**

15. Cho doanh nghiệp, tên, ngành, lĩnh vực kinh doanh. Liệt kê theo ma trận SWOT?(*tự làm liên hệ thực tế đó nha*)

16. Công nghệ là gì? Toàn cầu hóa kinh tế là gì?

Công nghệ được hiểu theo nghĩa rộng là tất cả các phương thức, những quy trình được sử dụng để chuyển hóa các nguồn lực thành sản phẩm và dịch vụ. Công nghệ không đơn thuần là thiết bị mà là sự kết hợp của 4 tp sau:

- Thiết bị
- Con người

- Phương thức tổ chức
- Thông tin

Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình phát triển mới của phân công lao động và hợp tác sản xuất vượt ra khỏi quốc gia tiến tới qui mô toàn thế giới để dạt được trình độ và chất lượng mới

17. Để trở thành điểm mạnh cốt lõi của DN thì cần những yếu tố nào?

- Đối thủ cạnh tranh khó nhận ra và bắt trước.
- Nếu nhận ra thì cần có thời gian để bắt trước.
- Được nhân rộng ở nhiều thị trường khác nhau.

18. Để chiến lược công ty đạt kết quả tốt DN phải làm gì?

Phù hợp với thế mạnh và điểm yếu nguồn lực công ty

Hướng tới nắm bắt được cơ hội thương trường tốt nhất và dựng lên hàng rào phòng thủ chống lại các nguy cơ bên ngoài xâm hại tới lợi ích của công ty.

Ma trận SWOT được sử dụng trong bước xây dựng phương án.

19. Hiểu gì về ma trận BCG? Nêu sự khác nhau giữa ma trận BCG với ma trận SWOT ?

Ma trận BCG :

Ma trận BDG xác định vị trí sản phẩm để có chiến lược của từng sản phẩm (nếu lá 1 sản phẩm thì sử dụng công cụ chu kỳ sống của sản phẩm). Với BCG thông tin phải được xác định lượng rỏ ràng, chỉ sử dụng công cụ này trong trường hợp có nhiều đơn vị kinh doanh, chiến lược có nhiều sản phẩm.

Khác nhau:

SWOT : không định lượng rõ ràng vấn đề áp dụng được

BCG : thông tin không định lượng rõ ràng

Xác định vị trí sản phẩm mới chưa đưa ra được.

Chương 4:Doanh nghiệp và sự quản trị :

Câu 1: Khái niệm quản trị ? Tại sao nói quản trị vừa mang tính khoa học vừa có tính nghệ thuật? Ai là nhà quản trị ? Vai trò của quản trị ?

1.1. Khái niệm:

Quản trị là tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra/kiểm soát những hoạt động của các thành viên trong tổ chức và sử dụng tất cả những nguồn lực của tổ chức để đạt được mục tiêu đã đề ra

Quản trị là sự tác động có hướng đích của chủ thể quản trị lên đối tượng quản trị nhằm đạt được những kết quả cao nhất với mục tiêu đã định trước

Quản trị là phương thức thực hiện công việc nhằm đạt mục tiêu đề ra bằng và thông qua người khác

1.2.Giải thích:

- Quản trị mang tính khoa học là bởi vì: Nó chịu sự tác động của các quy luật khách quan, đặc biệt là các quy luật kinh tế (Tất cả những gì mang tính khách quan đều là khoa học)
- Quản trị nó là một nghệ thuật bởi vì: Kết quả của nó phụ thuộc khá lớn vào tài năng thiên bẩm, kiến thức, kinh nghiệm tích lũy, các mối quan hệ..vv và cả vận may, rủi của bản thân nhà quản trị.

1.3. Ai là nhà quản trị?

Nhà quản trị là người thực hiện công việc bằng và thông qua người khác

1.4 . Vai trò của nhà quản trị ?

- Loại vai trò quan hệ tương tác giữa người và người:

- Vai trò đại diện: tham gia vào các sự kiện khác nhau : phát biểu, giới thiệu, tượng trưng cho tổ chức.

- Vai trò người lãnh đạo: xây dựng mối quan hệ với cấp dưới, động viên, đôn đốc, thúc đẩy cấp dưới hoàn thành nhiệm vụ.

- Vai trò liên hệ: duy trì mối quan hệ mạng lưới làm việc nội bộ với bên ngoài và giúp cung cấp thông tin.

Loại vai trò truyền thông:

- Trung tâm thu thập, xử lý thông tin: Điểm trọng tâm trung chuyển, lưu trữ, xử lý tất cả các loại thông tin.

- Phổ biến, truyền đạt thông tin: Chuyển giao những thông tin cho cấp dưới, báo cáo thông tin cho cấp trên.

- Người phát ngôn của tổ chức: Chuyển giao những thông tin chọn lọc cho những người bên ngoài công ty.

- Loại vai trò ra quyết định:

  - Doanh nhân: Khởi xướng các thay đổi bên trong tổ chức.

  - Người giải quyết xung đột: Tiến hành các hoạt động điều chỉnh cần thiết, hòa giải và xử lý những xung đột.

  - Điều phối các nguồn lực: Quyết định phân chia các nguồn lực trong tổ chức cho từng bộ phận hay dự án.

  - Nhà thương lượng: Tham gia thương lượng với các đối tác để đem lại ổn định và quyền lợi cho tổ chức

Câu 2 : *a/Quản trị khác gì với lãnh đạo ?*

Quản trị	Lãnh đạo
Định nghĩa : là tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra/kiểm soát những hoạt động của các thành viên trong tổ chức và sử dụng tất cả những nguồn lực của tổ chức để đạt được mục tiêu đã đề ra Tổ chức : chính thức Mục đích : nhằm dạt được mục tiêu	Định nghĩa : Là sự cố gắng tác động vào người khác để đảm bảo đạt được mục tiêu. Là quá trình thu hút, lôi cuốn, động viên, thuyết phục, hướng dẫn, thúc đẩy các thành viên trong tổ chức làm việc, đáp ứng theo yêu cầu công việc. Tổ chức : chính thức và phi chính thức Mục đích : nhằm bất kỳ mục tiêu và lý do nào

b/ Lãnh đạo là gì ?

Là sự cố gắng tác động vào người khác để đảm bảo đạt được mục tiêu.

Là quá trình thu hút, lôi cuốn, động viên, thuyết phục, hướng dẫn, thúc đẩy các thành viên trong tổ chức làm việc, đáp ứng theo yêu cầu công việc

c/ Mục tiêu là gì ?

Là những cột móc, những trạng thái, những chỉ tiêu mà người ta mong muốn hoặc phấn đấu để đạt được trong khoảng thời gian nhất định

d/ Tại sao nói mục tiêu là nền tảng của hoạch định ?

Vì trong 1 thời gian ngắn với các nguồn lực có giới hạn mà không biết mục tiêu đưa ra thì sẽ không có hiệu quả.

Câu 3 : a/ *mục tiêu khác gì với dự đoán ?*

- Mục tiêu : mang tính chủ động tích cực, dựa trên nền tảng hoạt động, điều chỉnh để đạt được, mục tiêu phải có kế hoach.
- Dự đoán : chỉ là những con số bị động

b.Tại sao phải làm hài hòa các mục tiêu của DN và các mục tiêu cá nhân ?

Mục tiêu DN phải thống nhất, hài hòa và đảm bảo sự nhất trí,đồng thuận với các cá nhân trong DN =>làm cho mỗi cá nhân phải tự nổ lực hết mình để thực hiện mục tiêu=>mục tiêu DN đạt kết quả cao nhất.

c/ Mục đích khác gì với mục tiêu ?

- Mục đích : là lý do thiên hướng để tồn tại 1 tổ chức cụ thể là DN , cả hướng đi và sứ mạng của DN (vd: lợi nhuận làm giàu cho bản thân , gia đình và xã hội)
- Mục tiệu : là những cột móc, những trạng thái, những chỉ tiêu mà người ta mong muốn hoặc phấn đấu để đạt được trong khoảng thời gian nhất định.

d/ Hoạch định là gì ?

-thiết lập hệ thống mục tiêu.

-xây dựng các chiến lược

-phát triển hệ thống kế hoạch

Câu 4 : *a/Tạo động lực làm việc là gì? Điều gì tạo ra động lực?*

- Là 1 động lực có ý thức hay vô thức khơi dậy và hướng hành động vào việc đạt được mục tiêu mong đợi (từ điển tiếng anh longman)
- Đều tạo ra động lực là bắt nguồn từ giá trị và thái độ.

b/Tại sao nói tạo động lực là một việc quan trọng đối với các nhà quản trị ?

vì:

- Động lực tác động mạnh mẽ và ảnh hưởng trực tiếp tới hành vi của cá nhân,động lực tốt thì nhân viên mới có thể an tâm làm việc tốt => đạt được mục tiêu tốt cho DN
- Động lực làm việc của nhân viên ảnh hưởng trực tiếp lên sự thành công của DN. Nếu không có động lực thì mọi người sẽ làm việc kém hiểu quả .

c/ Hãy nêu khái niệm về kỹ năng ?

Kỹ năng là năng lực hoặc khả năng chuyên biệt của 1 cá nhân về 1 hoặc nhiều khía cạnh dùng để giải quyết tình huống hoặc công việc trong cuộc sống.

d/

Câu 5: *a/Quyết định quản trị là gì ?*

Quyết định quản trị: hành vi sáng tạo của nhà quản trị nhằm đưa ra chương trình và tính chất hoạt động của tổ chức để giải quyết một vấn đề dựa trên cơ sở thông tin đầy đủ chính xác và phải phù hợp với quy luật vận động khách quan của dối tượng quản trị

b/ Các phẩm chất cá nhân quan trọng để ra quyết định ?

- Kinh nghiệm
- Khả năng xét đoán
- Sáng tạo
- Khả năng định lượng

c/ Có mấy loại quyết định quản trị ?

1. Theo tính chất của quyết định:

✓ Quyết định chiến lược
✓ Quyết định chiến thuật
✓ Quyết định tác nghiệp.

2. Theo chức năng quản trị:

✓ Quyết định kế hoạch
✓ Quyết định tổ chức
✓ Quyết định lãnh đạo.
✓ Quyết định kiểm tra

3. Theo thời gian thực hiện quyết định:

✓ Quyết định dài hạn
✓ Quyết định trung hạn
✓ Quyết định ngắn hạn

4. Theo cách thức:

✓ Quyết định theo chương trình
✓ Quyết định không theo chương trình

Câu 6*: a/Vấn đề là gì ?*

- "Vấn đề" là một trong những từ sử dụng một cách rộng rãi để mô tả những tình huống khó hiểu hoặc không chắc chắn: khó xử lý hoặc khó giải quyết

- Khi gặp những vấn đề khó khăn hay phức tạp cần định nghĩa một cách rõ ràng, nên dùng bảng mô tả vấn đề để trợ giúp

b/ các giai đoạn giải quyết vấn đề ?

1. NHẬN RA VẤN ĐỀ
2. NHẬN RA CHỦ SỞ HỮU CỦA VẤN ĐỀ
3. HIỂU VẤN ĐỀ
4. CHỌN GIẢI PHÁP TỐT NHẤT
5. THỰC THI GIẢI PHÁP
6. THEO DÕI VÀ ĐÁNH

c/ Các loại vấn đề chính ?

- CÁC VẤN ĐỀ SAI LỆCH
- CÁC VẤN ĐỀ TIỀM TÀNG
- CÁC VẤN ĐỀ HOÀN THIỆN

d/ Ưu nhược điểm của việc ra quyết định tập thể ?

Ưu điểm

- Phương pháp ra quyết định tập thể là một phương phap ra quyết định ma người lanh đạo khong chỉ dựa vao kiến thức va kinh nghiệm ca nhan của minh ma con dựa vao kiến thức va kinh nghiệm của tập thể để đưa ra quyết định va chịu trach nhiệm về quyết định đưa ra.
- Phương pháp ra quyết định tập thể có thể đưa ra một quyết định có chất lượng cao do đầu vào lớn mạnh và phong phú, đảm bảo tinh dan chủ của tổ chức, đảm bảo cơ sở tam ly - XH cho cac quết định.

Nhược điểm :

- Các thành viên phải có kỹ năng, làm việc theo ê kíp cao
- Dễ bối rối bởi các ý kiên trái ngược nhau.-
- Hạn chê sự sáng tạo do áp lực của sự cô gang tạo sự đồng nhất.-
- Có thể không kiem soát được toàn bộ quá trình nếu quá nhiêu người tham gia.

- Dễ bị chi phối bởi 1 hoặc 1 số người trong hội đồng tư vấn đến kết luận của tập thể
- Trach nhiệm của ngươi ra quyết định ko ro rang.

Câu 7 *: a/ Kiểm tra/kiểm soát là gì ?*

Kiểm tra là quá trình so sánh giữa mục tiêu (chỉ tiêu kế hoạch), tiêu chuẩn với kết quả thực tế đã đạt được trong từng khoảng thời gian bảo đảm cho hoạt động thực tế phù hợp với kế hoạch đã đề ra.

b/ Ý nghĩa:

- Bảo đảm kết quả đạt được phù hợp với mục tiêu của tổ chức
- Bảo đảm các nguồn lực được sử dụng một cách hữu hiệu.
- Làm bày tỏ và đề ra những kết quả mong muốn chính xác hơn theo thứ tự quan trọng.
- Xác định và dự đoán những biến động và những chiều hướng chính.
- Đơn giản hóa các vấn đề ủy quyền, chỉ huy, quyền hành và trách nhiệm.
- Phác thảo các tiêu chuẩn tường trình báo cáo để loại bớt những gì kém quan trọng hay không cần thiết.
- Phổ biến những chỉ dẫn cần thiết một cách liên tục để cải tiến việc hoàn thành công việc, tiết kiệm thời gian, công sức của mọi người
- Phát hiện kịp thời các sai sót và bộ phận chịu trách nhiệm để chấn chỉnh

c/Phân loại:

- Kiểm tra trước, trong, sau.
- Kiểm tra theo lĩnh vực như tài chính, nhân sự, sản xuất

d/ Các bước tiến trình kiểm tra:

  - Xây dựng các tiêu chuẩn và lựa chọn phương pháp do lường
  - Đo lường kết quả thực hiện và đối chiếu với tiêu chuẩn
  - Điều chỉnh các sai lệch

Câu 8 : *a/Thế nào là KHKD ?*

- Là hệ thống các mục tiêu.
- Là các biện pháp
- Là một chương trình hành động
- Là bức tranh mô tả các hoạt động

=> Đạt được mục tiêu DN trong tương lai.

b/Tầm quan trọng của kế hoạch (tại sao phải lập KHKD):

- nhằm ứng phó với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.
- nhằm hướng các hoạt động vào việc thực hiện các mục tiêu chung
- tạo ra các "dòng chảy" cho các hoạt động của doanh nghiệp
- tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra

d/Có những loại kế hoạch kinh doanh nào ?

- *KH chiÕn l*ược: ho¹ch ®Þnh cho mét thêi kú dµi, do c¸c nhµ qu¶n trÞ cÊp cao x©y dùng, mang tÝnh kh¸i qu¸t cao vµ rÊt uyÓn chuyÓn
- *KH chiÕn thuËt*: lµ kÕt qu¶ triÓn khai KH chiÕn lîc, Ýt mang tÝnh tËp trung h¬n vµ Ýt uyÓn chuyÓn h¬n.
- *sKH t¸c nghiÖp*: ho¹ch ®Þnh chi tiÕt cho thêi gian ng¾n, do c¸c nhµ qu¶n trÞ ®iÒu hµnh x©y dùng vµ Ýt thay ®æi

Câu 9 : a/ So sánh chiến lược và kế hoạch:

Chiến lược	Kế hoạch
- Mang tính định hướng - Được hoàn thành, thực hiện trên kế hoạch - Có tính tổ chức và ổn định - Dài hạn hơn - Do các nhà quản trị cấp cao xây dựng	- Mang tính cụ thể - Được xây dựng trên chiến lược - Ít tổ chức và ít ổn định - Ít dài hạn - Do các nhà quản trị cấp trung và cấp cơ sở thực hiện

b/nội dung của kế hoạch kinh doanh:

- Mục lục
- Tóm tắt kế hoạch kinh doanh
- Mô tả chung về công ty: lịch sử, tình hình hiện tại, mục đích tương lai.
- Mô tả sản phẩm và dịch vụ: loại gì và tại sau.
- Phần đánh giá thị trường-khách hàng,phân tích môi trường kinh doanh
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh
- Kế hoạch marketing
- Kế hoạch nhân sự
- Kế hoạch tài chính
- Phục lục và tài liệu tham khảo

c/ Tại sao kế hoạch kinh doanh lại bị thất bại?

- Thiếu sự đầu tư vào việc lập kế hoạch
- Lẫn lộn giữa các nghiên cứu về kế hoạch với các kế hoạch
- Thiếu việc xây dựng và triển khai những chiến lược đúng đắn.
- Tính khả thi của các mục tiêu thấp
- Không tuân thủ qui trình lập kế hoạch
- Qu¸ tin vµo kinh nghiÖm
- ThiÕu sù hç trî cña ban qu¶n trÞ cÊp cao
- ThiÕu viÖc giao phã quyÒn h¹n râ rµng
- ThiÕu biÖn ph¸p kiÓm so¸t thÝch hîp
- ThiÕu th«ng tin
- Søc × cao vµ kh«ng chÞu thay ®æi

d/Làm sao để lập KHKD có hiệu quả ?

- Việc lập KHKD không được mặc cho số mệnh
- Nên lập KHKD xuất phát từ cấp cao nhất.
- Việc lập KHKD phải có tổ chức.
- Việc lập KHKD phải rõ ràng và xác định.
- Người quản lý phải tham gia vào viêc lập KHKD.
- Bao gồm cả sự nhận thức và chấp nhận sự thay đổi

e/ phân biệt kế hoạch kinh doanh với nghiên cứu khả thi ?

Nghiên cứu khả thi	Kế hoạch kinh doanh
- Có khả năng thực hiện về mặt kỹ thuật không?	- Thiết lập mục tiêu hoạt động
- Có đáng giá về kinh tế/tài chính không?	- Xây dựng chiến lược/kế hoạch để đạt mục tiêu
- Chọn phương án nào để thực hiện dự án	- Thiết kế các hoạt động chức năng để triển khai
- Chứng minh, thuyết phục về tính khả thi của dự án cho các đối tượng ngoài DN (nhà đầu tư, cổ đông, chủ nợ, cơ quan cấp giấy phép v.v.. .)	- Chứng minh, thuyết phục về khả năng thực hiện ké hoạch cho các đối tượng ngoài DN (nhà đầu tư, cổ đông, chủ nợ. cơ quan cấp giấy phép.. .)
- Giúp ban lãnh đạo DN ra quyết định đầu tư hay không	-Giúp ban lãnh đạo DN thực hiện chỉ đạo, triển khai, kiểm soát quá rtình hoạt động của DN
- Nguồn lực cần thiết để thực hiện dự án	- Các hoạt động cần thiết để triển khai thực hiện
-Kết quả thực hiện	- Kiểm soát sự phối hợp ăn khớp giữa các kế hoạch bộ phận
-Phân tích hiệu quả	- Đánh giá kết quả thực hiện
-Thực hiện một lần cho một dự án	-Thực hiện 1 lần, nhiều lần hoặc định kỳ theo nhu cầu DN
-Ý nghĩa, nội dung các phần mục đều giống nhau	-Ý nghĩa, nội dung và các phần mục có thể thay đổi tùy theo mục đích lập KHKD

Câu 10: a/Trình bày các chức năng của quản trị?

- *Hoạch định:bao gồm*

- Chức năng xác định mục tiêu cần đạt được.

- Đề ra chương trình hành động để đạt mục tiêu trong từng khoảng thời gian nhất định.

- Đưa ra các kế hoạch khai thác cơ hội và hạn chế bất trắc của môi trường.

- *Tổ chức:*

-Là quá trình gắn kết, phân công, phối hợp các thành viên vào cùng làm việc nhằm thực hiện mục tiêu chung.

-Bao gồm tổ chức con người, tổ chức công việc, phân bổ các nguồn lực….

- *Lãnh đạo* là sự cố gắng tác động vào người khác để đảm bảo đạt được mục tiêu.
- *Kiểm tra* là quá trình so sánh giữa mục tiêu, tiêu chuẩn với kết quả thực tế đã đạt được trong từng khoản thời gian bảo đảm cho hoạt động thực tế phù hợp với kế hoạch đề ra.

b/ các bước lập kế hoạch:

-Đánh giá các cơ hội

- Xem xét các điều kiện tiền

-xây dựng các phương án

-đánh giá các phương án

-lựa chọn phương an kế hoạch

- xây dựng kế hoạch phụ trợ

-ngân quỹ kế hoạch.

c/nội dung chức năng lãnh đạo:

- Hoạt động ra quyết định và mệnh lệnh
- Hoạt động hướng dẫn của người chỉ huy
- Hoạt động phối hợp và điều hành
- Hoạt động đôn đốc nhắc nhở
- Hoạt động động viên và khuyến khích.

d/Tại sao nói lãnh đạo là quá trình tác động đến con người và cần phải quan tâm đến con người ?

- Tạo động lực làm việc cho nhân viên là quan trọng đối với nhà quản trị: vì động lực làm việc là 1 hoạt động có ý thức hay vô thức khơi dậy và hướng hành động vào việc đạt được mục tiêu mong đợi.
- Tạo động lực làm việc cho nhân viên và hướng hoạt động, làm việc đạt mục tiêu mong đợi.

Câu 11: a/ Những nhà quản trị làm những công việc gì ?

Quản Trị viên cấp cao**:** Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Giám đốc ...

↳ Xây dựng chiến lược, kế hoạch hành động & phát triển của tổ chức

Quản trị viên cấp trung**:** Trưởng phòng, Quản đốc, Cửa hàng trưởng **...**

↳ Đưa ra các quyết định chiến thuật để thực hiện kế hoạch và chính sách của tổ chức

Quản trị viên cấp cơ sở: Tổ trưởng, Nhóm trưởng, trưởng ca ...

↳ Hướng dẫn, đốc thúc, điều khiển công nhân trong công việc hàng ngày

b/Nhà quản trị cần có những kỷ năng gì ?

- Kỹ Năng Tư Duy : Khả năng tổng hợp vấn đề của doanh nghiệp như một tổng thể và biết cách làm cho doanh nghiệp thích ứng với ngành, cộng đồng và thế giới
- Kỹ Năng Nhân Sự: Khả năng của nhà quản trị để làm việc tốt như một thành viên trong nhóm & như một người lãnh đạo
- Kỹ Năng Chuyên Môn: Khả năng hiểu biết và thành thạo về những lĩnh vực kỹ thuật/chuyên môn

c/ Phân biệt giữa DN lớn và DN nhỏ ?

Doanh nghiệp lớn	Doanh nghiệp vừa, nhỏ
- Hầu hết các chủ DN là các cổ đông, chỉ góp vốn chứ không trực tiếp điều hành hoạt động DN nên KHKD sẽ không đề cập đến vai trò của chủ DN - Các thông tin do DN cung cấp trong phân tích thị trường, phân tích khách hàng, phân tích cạnh tranh thường có độ tin cậy cao vì do các bộ phận chuyên trách của DN thực hiện - Trong chiến lược marketing có thể theo đuổi cả chiến lược kéo và đẩy với xu hướng dẫn đầu thị trường	- Nhấn mạnh vai trò của chủ DN, khả năng và kinh nghiệm của người này trong lĩnh vực đang hoặc dự định hoạt động kinh doanh - Các phân tích về thị trường, khách hàng, cạnh tranh thường mang tính chất ước lượng, kinh nghiệm do nhu cầu về thông tin không cao, hạn chế về chi phí - Hầu như chỉ đề ra chiến lược theo đuôi, về marketing chỉ đủ kinh phí theo đuổi chiến lược đẩy

d. Khi nào phải lập kế hoạch kinh doanh ?

- Khi m«i trêng kinh doanh thay ®æi
- Khi DN chuyÓn híng kinh doanh
- Khi DN th©m nhËp thÞ trêng míi
- Khi DN huy ®éng vèn tõ c¸c tæ chøc tÝn dông
- Khi DN chuyÓn sang kú kinh doanh míi
- ... ?

Câu 12: a/ Phân loại kế hoạch KD ?

- Theo thêi gian
  - KH dµi h¹n , KH trung h¹n vµ KH ng¾n h¹n
- Theo møc ®é ho¹t ®éng
  - KH chiÕn lîc, KH chiÕn thuËt vµ KH t¸c nghiÖp
- Theo ph¹m vi lËp kÕ ho¹ch

— KH tæng thÓ vµ KH bé phËn

b. vai trò và tầm quan trong của hoạch định ?

- xác định các tiêu chuẩn làm cơ sở cho kiểm tra , kiểm soát.

-phối hợp nỗ lực hoạt động

-giảm bớt sự trùng lấp và lãng phí.

-nắm bắt cơ hội và tránh được các mối đe dọa.

c/ khi xây dựng mục tiêu cần thỏa mãn yêu cầu gì ?

- mang tính thực tiễn
- lượng hóa được
- nhất trí đồng thuận
- khả thi
- có thời hạn

d/ Kỹ năng cơ bản của lãnh đạo?

Sự ảnh hưởng tới nhân viên

Sự tin cậy và long tôn trọng

Tinh thần hợp tác tự nguyện

Sự tận tăm với công việc.

e/ Tiến trình ra quyết định quản trị ?

1. Trình bày sự việc vấn đề
2. xác định mục tiêu/tiêu chuẩn
3. nhận dạng các ràng buộc/lượng hóa các tiêu chuẩn
4. Thu thập thông tin-xây dựng các phương án/giải pháp
5. đánh giá các giải pháp- lựa chọn
6. Thực thi giải pháp tốt nhất
7. đánh giá kết quả

f/ so sánh sự khác nhau giữa hoạch định và ra quyết định ?

Hoạch định	Ra quyết định
- bao gồm hoạt động : hoạch định -ít áp lực hơn -cần có nhiều thời gian	-bao gồm tất cả các hoạt động, chức năng : hoạch định, kế hoạch, lãnh đạo, tổ chức.. - áp lực thời gian :cao, nhanh, dòi hỏi độ chính xác cao,áp lực công việc căng thẳng - không cần nhiều thời gian

Chương 5: TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

Câu 1 : **a. Tổ chức doanh nghiệp là gì ?**

Tổ chức có nghĩa là quá trình sắp xếp và bố trí các công việc, giao quyền hạn và phân phối các nguồn lực của tổ chức sao cho chúng đóng góp một cách tích cực và có hiệu quả vào mục tiêu chung của doanh nghiệp

b/ Nguyên tắc nào để thiết kế cơ cấu tổ chức ?

- Thống nhất chỉ huy

-Gắn với mục tiêu

-Cân đối

- Hiệu quả

- Linh hoạt

c/ Các cách phân chia khi làm công tác tổ chức ?

Phân chia theo :

Khu vực địa lý

Theo sản phẩm

Chức năng

Quy trình công nghệ

Thời gian

Khách hàng

Mỗi cách phân chia đều có ưu nhược điểm riêng do đó ta nên chọn cách phân chia nào có nhiều ưu điểm nhất.

d/ Mục đích của tổ chức DN ? Từ vị trí là nhà quản trị,khi tổ chức DN thì nhà quản trị bắt đầu từ con người hay chức vụ là được chọn đầu tiên để chọn nhân sự ?

- Mục đích : xây dựng môi trường nội bộ thuận lợi cho mỗi cá nhân, mỗi bộ phận phát huy được năng lực cao nhất đóng góp vào mục tiêu cho DN

- Từ chức vụ sẽ tuyển nhân sự cho tổ chức DN vì :

+ xác định nhiệm vụ, trách nhiệm của mình đối với từng chức vụ cụ thể.

+ giúp cho nhà lãnh đạo dễ kiểm tra,kiểm soát.

Câu 2 : Những DN cùng ngành, qui mô thậm chí tương đương nhau nhưng tại sao cơ cấu tổ chức không giống nhau?

Câu 3 : a/ Quyền hạn là gì? Quyền lực là gì? Trách nhiệm là gì?

- Quyền hạn :
- ✓ Là đề cập đến mức độ cá nhân hay đơn vị kiểm soát và tác động đối với các nguồn lực trong doanh nghiệp.
- ✓ Là quyền hạn được giao cho 1 người nào đó do 1 nhà lãnh đạo có thẩm quyền quyết định
- Quyền lực: Là quyền hạn giao cho 1 chức vụ chính thức do 1 nhà lãnh đạo có thẩm quyền quyết định.
- Trách nhiệm : Bổn phận phải thực hiện công việc được giao phó.

b/ Khái niệm về chuyên môn hóa hẹp,chuyên môn hóa luân phiên thay đổi trong công việc ?

Câu 4: a **/Khái niệm ủy quyền hay ủy thác công việc?**

Ủy quyền là giao một phần quyền hành và trách nhiệm cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ , ủy quyền không làm mất đi hay thu hẹp trách nhiệm.

b/ Tại sao nói quản trị doanh nhiệp có hiệu quả là nhờ ủy quyền?

- Không ủy quyền nhà quản trị sẽ tràn ngập với những công việc mà đáng lẻ mình không phải làm

- Tạo lòng tin trong nhân viên nội bộ đoàn kết hơn

c/Ủy quyền có lợi cho ai ?

Có lợi cho nhà quản trị lẫn nhân viên trong doanh nghiệp

d/ **Nếu là nhà quản trị bạn có chọn ủy quyền hay không? Giải thích?**

Sẽ chọn ủy quyền. vì:

- Ủy quyền sẽ giải phóng nhà quản trị ra khỏi công việc, dịch vụ =>có thời gian tập trung vào những công việc có tầm quan trọng hơn.

- Chính sự tin cậy giao phó cho cấp dưới => đào tạo đội ngũ kế tài.

Câu 5 : a/ Tại sao phải thay đổi tổ chức ?

Đối với công ty : để giữ thế cân bằng và phát triển.

Đối với cá nhân : tạo ra cơ hội để làm cho phong phú con đường sự nghiệp và cuộc sống.

b/ Bảy căn bệnh về quản trị doanh nghiệp ?

- Chiến lược
- Kỹ năng quản trị
- Kế toán tài chính
- Nhân sự
- Marketing
- Sản xuất
- Tâm lý sợ thay đổi

c/ Những áp lực khi thay đổi tổ chức doanh nghiệp ?

- Khoa học và công nghệ
- Tiêu chuẩn chất lượng cao nhất
- Các chu trình giao hàng ngắn hơn
- Đơn đặt hàng nhỏ, ngày giao tin cậy.

d/ Những cản trở của cá nhân đối với sự thay đổi tổ chức doanh nghiệp ?

- Lo sợ những điều không biết
- Học tập những cái mới
- Sự phá hủy quan hệ bạn bè ổn định

- Không tin vào đội ngũ quản trị

e/ Những cản trở của tổ chức ?

- Những đe dọa đối với cấu trúc quyền lực
- Sức ỳ của cấu trúc tổ chức
- Những quan hệ mang tính hệ thống
- Những chi phí bỏ ra và những lợi ích được đảm bảo .

f/ Để thích ứng cần phải làm gì ?

- Thay đổi nhận thức
- Thay đổi về kỹ năng và phải biết ham học hỏi.

Câu 6 : Ưu nhược điểm của các cơ cấu tổ chức ?

A/ Cơ cấu quản trị trực tuyến:

Ưu điểm:

- Đảm bảo chế độ 1 thủ trưởng
- Người thừa hành chỉ nhận lệnh từ 1 người lãnh đạo cấp trên trực tiếp.
- Chế độ trách nhiệm rõ ràng.

Nhược điểm :

Người lãnh đạo phải có kiến thức toàn diện

B/ Cơ cấu quản trị chức năng :

Ưu điểm :

Sử dụng được các chuyên gia giỏi trong việc ra quyết định quản trị

Nhược điểm :

Vi phạm nguyên tắc thống nhất chỉ huy : người thừa hành phải nhận lệnh từ nhiều nhà quản trị cấp trên

C/ Cơ cấu quản trị trực tuyến-chức năng:

Ưu điểm :

- Có được ưu điểm của cơ cấu trực tuyến và cơ cấu chứ năng.

- Tạo diều kiện cho giám đốc trẻ
- Nhược điểm :
- Nhiều tranh luận vẫn xảy ra, nhà quản trị phải thường xuyên giải quyết
- Hạn chế sử dụng kiến thức chuyên môn
- Vẫn có xu hướng can thiệp của các đơn vị chức năng

D / Cơ cấu quản trị ma trận :

Ưu điểm :

- Tổ chức linh động
- Ít tốn kém, sử dụng các nhân lực có hiệu quả
- Đáp ứng được tình hình sản xuất kinh doanh nhiều biến động
- Hình thành và giải thể dễ dàng, nhanh chóng

Nhược điểm:

- Dễ xảy ra tranh chấp ảnh hưởng giữa người lãnh đạo và các bộ phận
- Cơ cấu này đòi hỏi nhà quản trị phải có ảnh hưởng lớn
- Phạm vi sử dụng còn hạn chế vì 1 trình độ nhất định

Câu 7 : a/ Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến việc lựa chọn cơ cấu tổ chức ?

- Qui mô
- Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của doanh nghiệp
- Con người
- Trình độ công nghệ
- Môi trường kinh doanh
- Loại hình pháp lý mà DN lựa chon

b/ Các yếu tố cơ bản của 1 cơ cấu tổ chức ?

- Trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ của từng cá nhân
- Mối quan hệ giữa các bộ phận, các thành viên của từng bộ phận
- Các qui định, chính sách, các hệ thống trong mỗi cơ cấu tổ chức

Câu 8: a/ Tập quyền là gì ?

Tập quyền là tập trung toàn bộ quyền lực nhà nước vào tay một người hoặc một cơ quan nào đó.

b/ Phân quyền là gì ?

Phân quyền là cách tổ chức nhà nước mà quyền lực nhà nước được phân ra cho các nhánh khác nhau, độc lập tương đối với nhau.

c/ Ưu nhược điểm của phân quyền và tập quyền ?

- Tập quyền :

Ưu điểm:
+ Bảo đảm quyền lực thống nhất không bị phân tán.
+ Các hoạt động, đường lối, chính sách được thực hiện xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, không có sự tranh giành quyền lực giữa các cơ quan.
Nhược điểm:
+ Tập quyền dẫn đến chuyên chế, duy ý chí, độc tài.
+ Lạm dụng quyền lực, quan liêu

- Phân quyền :

Ưu điểm:
+ Tránh được sự chuyên quyền, độc tài trong thực hiện quyền lực nhà nước.
+ Đưa xã hội loài người lên một bước mới trong quản lý.
Nhược điểm:
+ Dễ dẫn tới sự tranh chấp, kìm hãm lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước nhằm giành quyền lợi nhiều hơn trong thực thi quyền lực nhà nước.
+ Giảm đồng bộ, thống nhất và gắn kết giữa các cơ quan nhà nước.

Câu 9 : a/ Để giải quyết tầng nấc trung gian(số cấp quản trị) nhiều hay ít có phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của nhà quản trị được hay không? Tại sao?
Không.Tại vì :

- Phụ thuộc vào cách giải quyết tầm quản trị rộng hay hẹp.
- Dựa vào tính chất của công việc (đơn giản dể tổ chức => rộng, phức tạp khó tổ chức => hẹp)
- Quản trị là phương thức thực hiện công việc bằng và thông qua người khác.

b/ Tầm hạn quản trị/tầm kiểm soát là gì? Khái niệm tầm quản trị hẹp, tầm quản trị rộng?

Tầm hạn quản tri là số lượng bộ phận, nhân viên cấp dưới mà một nhà quản trị có thể điều khiển tốt nhất.

- Phân loại tầm hạn quản trị:

- ❑ Tầm hạn quản trị rộng: mỗi nhà quản trị điều khiển một số đông người.

- ❑ Tầm hạn quản trị hẹp: mỗi nhà quản trị chỉ điều khiển một số ít người.

c/Tại sao một DN tổ chức mạng lưới cửa hàng/siêu thị phân chia theo khu vực địa lý. Nhưng khi tổ chức ngay trong một cửa hàng/siêu thị thì phân chia theo sp?

Tại vì tổ chức theo cách nào có ưu điểm nhất thì chọn như vậy sẽ hạn chế dược những nhược điểm => cùng đạt mục tiêu chung nhất.

d/Giải quyết tầm quản trị rộng hẹp phụ thuộc vào những yếu tố nào?

- Mối quan hệ giữa các nhân viên + nhân viên & nhà quản trị
- Trình độ & khả năng của các thuộc cấp
- Năng lực của nhà quản trị
- Tính chất phức tạp và mức độ ổn định của công việc
- Kỹ thuật thông tin

Câu 10 : Phân biệt cơ cấu trực tuyến theo chức năng khác gì với cơ cấu trực tuyến – chức năng?